

Bản án số: 817/2023/HC-PT
Ngày 14 - 9 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 324/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2099/2022/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2244/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1974. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 3 Q, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Mỹ T1, sinh năm 1991. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: B Tổ B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2022)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T2 – Chủ tịch. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Tấn T3 – Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị - Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố T. (*Vắng mặt*)

- Ông Nguyễn Minh V – Cán bộ Phòng Quản lý đô thị - Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố T. (*Có mặt*)

- Ông Nguyễn Ngọc T4 – Phó Chủ tịch UBND phường H, thành phố T. (*Có mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Hòa H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số G N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Mai Hoàng P. Địa chỉ: Số C, K, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thị H1
4. Đỗ Xuân K, sinh năm 1969.
5. Huỳnh Thị Tuyết T5, sinh năm 1963.
6. Nguyễn Phúc T6, sinh năm 1962.
7. Nguyễn Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm 1995.
8. Nguyễn Hoàng Thị Mỹ T7, sinh năm 1987.
9. Phan Văn H2, sinh năm 1979.
10. Nguyễn Phan Tuệ M, sinh năm 2017.
11. Phan Hoàng L1, sinh năm 2010.
12. Nguyễn Ngọc Tuệ L2, sinh năm 2019.
13. Hoàng Văn Ú, sinh năm 1951.
14. Ngô Thị H3, sinh năm 1958.
15. Hoàng Thị Diệu H4, sinh năm 1982.
16. Hoàng Thị Diệu U, sinh năm 1984.
17. Hoàng Quốc Đ, sinh năm 1988.
18. Hoàng Thị Diệu Q, sinh năm 1992.
19. Hoàng Phước U1, sinh năm 2013.
20. Vũ Hoàng Anh K1, sinh năm 2014.
21. Đặng Công N, sinh năm 1990.
22. Lê Nguyễn Mỹ N1, sinh năm 1990.
23. Đặng Lê Nhã U2, sinh năm 2020.
24. Đặng Lê Công B, sinh năm 2016.
25. Nguyễn Kim L3, sinh năm 1956.
26. Phan Thị V1, sinh năm 1958.
27. Nguyễn Phan Phương T8, sinh năm 1997.
28. Quách Thị N2, sinh năm 1959.
29. Nguyễn Văn T9, sinh năm 1954.
30. Trần Thị Chín M1, sinh năm 1972.
31. Nguyễn Thị D, sinh năm 1929.
32. Nguyễn Văn C, sinh năm 1968.

- 33.Quan Đức H5, sinh năm 1965.
- 34.Hoàng Nhã T, sinh năm 1962.
- 35.Quan Đức P1, sinh năm 1991.
- 36.Quan Đức L4, sinh năm 1995.
- 37.Quan Thị Mỹ A, sinh năm 2018.
- 38.Bùi Thành Thanh N3, sinh năm 1969.
- 39.Phan Thị Chí T10, sinh năm 1968.
- 40.Bùi Phan Yên L5, sinh năm 1992.
- 41.Bùi Phan Yên P2, sinh năm 2000.
- 42.Nguyễn Thị N4, sinh năm 1964.
- 43.Lương Thị X, sinh năm 1931.
- 44.Nguyễn Thị Vĩnh T11, sinh năm 1972.
- 45.Nguyễn Anh T12, sinh năm 1986.
- 46.Phạm Thị S, sinh năm 1963.
- 47.Nguyễn Duy P3, sinh năm 1985.
- 48.Nguyễn Như Q1, sinh năm 1987.
- 49.Nguyễn Thị Huyền T13, sinh năm 1988.
- 50.Nguyễn Trung H6, sinh năm 1986.
- 51.Nguyễn Khôi N5, sinh năm 2015.
- 52.Nguyễn Tuấn K2, sinh năm 2019.
- 53.Nguyễn Gia B1, sinh năm 2014.
- 54.Đào Văn T14, sinh năm 1974.
- 55.Nguyễn Thị P4, sinh năm 1974.
- 56.Nguyễn Gia H7, sinh năm 2003.
- 57.Đào Gia H8, sinh năm 2005.
- 58.Nguyễn Thị X1, sinh năm 1984.
- 59.Nguyễn Văn T15, sinh năm 1984.
- 60.Nguyễn Bảo Kim C1, sinh năm 2011.
- 61.Nguyễn Bảo Khánh T16, sinh năm 2015.
- 62.Trần Quang M2, sinh năm 1979.
- 63.Nguyễn Thị Phương T17, sinh năm 1981.
- 64.Trần Ngọc Phương L6, sinh năm 2001.
- 65.Trần Ngọc Phương T18, sinh năm 2005.
- 66.Trần Ngọc Phương V2, sinh năm 2011.
- 67.Đinh Thị P5, sinh năm 1954.
- 68.Nguyễn Hữu B2, sinh năm 1954.
- 69.Nguyễn Hữu Q2, sinh năm 1978.
- 70.Nguyễn Hữu Q3, sinh năm 1992.
- 71.Nguyễn Thị Hồng N6, sinh năm 1991.
- 72.Nguyễn Diệp Tú N7, sinh năm 2016.

73. Phan Thị T19, sinh năm 1993.
74. Vũ Văn Q4, sinh năm 1988.
75. Ngô Thị H9, sinh năm 1977.
76. Phạm Quang H10, sinh năm 1970.
77. Phạm Ngô Thùy L7, sinh năm 2005.
78. Phạm Ngô Thùy L8, sinh năm 2011.
79. Phạm Thị Thanh H11, sinh năm 1979.
80. Hoàng Thanh T20, sinh năm 1981.
81. Hoàng Thành Đ1, sinh năm 2005.
82. Hoàng Phạm Thành N8, sinh năm 2010.
83. Nguyễn Thị Kim K3, sinh năm 1973.
84. Nguyễn Văn K4, sinh năm 1940.
85. Trần Văn D1, sinh năm 1970.
86. Nguyễn Thành N9, sinh năm 1994.
87. Nguyễn Thành P6, sinh năm 1994.
88. Phạm Lê Ngọc T21, sinh năm 1990.
89. Nguyễn Thị Thanh T22, sinh năm 1993.
90. Ngô Thị H12, sinh năm 1984.
91. Phạm Thế M3, sinh năm 1981.
92. Phạm Ngô Thảo N10, sinh năm 2016.
93. Phạm Ngô Thảo M4, sinh năm 2013.
94. Nguyễn Thị Thúy H13, sinh năm 1991.
95. Nguyễn Thị Thúy A1, sinh năm 2001.
96. Hoàng Quốc T23, sinh năm 1990.
97. Hoàng Nguyễn Bảo N11, sinh năm 2019.
98. Trần Thị Bích T24, sinh năm 1979.
99. Nguyễn Văn H14, sinh năm 1960.
100. Nguyễn Lưu Khánh H15, sinh năm 2008.
101. Nguyễn Lưu Khánh T25, sinh năm 2011.
102. Trần Thị Sao M5, sinh năm 1982.
103. Trần Hoàng Minh Anh
104. Nguyễn Hồng Ngọc
105. Quan Phúc Huy
106. Quan Ngọc Mỹ Anh
107. Bùi Xuân T26
108. Trần Tú Trâm
109. Bùi Thu Ngân
110. Trần Ngọc Công
111. Vũ Hoàng Anh Khôi
112. Trần Hoàng Minh Khuê

113. Nguyễn Thị Phương Đoan
114. Trần Văn Dũng
115. Huỳnh Thụy Diệu
116. Hoàng Ngọc Quý
117. Võ Thị Ánh Loan
118. Hoàng Võ Ngọc An
119. Hoàng Võ Gia Phúc
120. Ngô Đức Hòa
121. Võ Thành Danh
122. Phạm Đức H16, sinh năm 1991;
123. Hồ Thị Cẩm N14, sinh năm 1990;
124. Hồ Văn T27, sinh năm 1959;
125. Phan Thị T28, sinh năm 1963;
126. Hồ Linh N15, sinh năm 2013;
127. Phạm Minh N16, sinh năm 2017;
128. Đinh Văn T29, sinh năm 1981;
129. Trần Thị P7, sinh năm 1980;
130. Đinh Trần Hạnh N17, sinh năm 2006;
131. Đinh Trần Hoàng N18, sinh năm 2013;
132. Nguyễn Khánh H17, sinh năm 1988;
133. Nguyễn Thị Bích L9, sinh năm 1990;
134. Nguyễn Thị Cẩm V3, sinh năm 1968;
135. Trần Minh K5, sinh năm 1967;
136. Trần Gia B3, sinh năm 1999;
137. Lê Thị Kim Y, sinh năm 1999;
138. Lê Thị Bảo N19, sinh năm 2018;
139. Lê Văn M7, sinh năm 1967;
140. Nguyễn Thị Hoàng M8, sinh năm 1967;
141. Nguyễn Lê Hoàng L10, sinh năm 1990;
142. Ngô Thị Y1, sinh năm 1987;
143. Lê Hoàng Mai A3, sinh năm 2015;
144. Nguyễn Thị N20, sinh năm 1983;
145. Nguyễn Lê D2;
146. Nguyễn Quốc K6;
147. Nguyễn Gia K7;
148. Trần Nguyên L11;
149. Trần Thị Ánh T30;
150. Đặng Thanh H18.

Cùng địa chỉ: T, 405, 406 tờ bản đồ số 1 (tài liệu 1991) đường số D, khu phố H, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng địa chỉ liên lạc: 46/2 đường D, khu phố H, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

151) Bà Trần Thị B4, đã chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B4:

1. Bà Lê Thị Kim L12. Sinh năm: 1954.
2. Ông Lê Ngọc H19, sinh năm: 1960.
3. Ông Lê Hoàng M9, sinh năm: 1962.
4. Bà Lê Thị Bích N21, sinh năm: 1965.
5. Ông Lê Chí N22, sinh năm: 1969.
6. Bà Lê Thị Thanh T31, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ liên lạc: 357/16 Quốc lộ A, khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản đối thoại, trình bày của các bên tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 26/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường H, quận T, Thành phố Hồ chí Minh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 457/QĐ-XPVPHC đối với ông Lê Tấn T về hành vi tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp đối với hành vi vi phạm của ông Lê Tấn T xảy ra tại các thửa đất số 404, 405, 406, tờ bản đồ số 01 (tài liệu bản đồ năm 1991), đường số D, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện trạng là trên các thửa đất có các công trình tường gạch mái tôn trên đất có mục đích sử dụng ghi trên giấy chứng nhận là trồng cây lâu năm. Cơ sở pháp lý: Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 02/8/2019, Chủ tịch UBND phường H, quận T ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 571/QĐ-CCXP để thi hành Quyết định xử phạt hành chính số 457/QĐ-XPVPHC nêu trên.

Ông Lê Tấn T khiếu nại các quyết định hành chính nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, quận T đã giải quyết khiếu nại bằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 748/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 có nội dung bác yêu cầu của ông T.

Tháng 12 năm 2019, ông Lê Tấn T, ông Lê Văn M7, ông Đặng Thanh H18, bà Phạm Thị Thanh H11, bà Ngô Thị H9 cùng khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên tại Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, nay là Thành phố T.

Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã bác tất cả yêu cầu khởi kiện.

Ngày 30/9/2020, ông Lê Tấn T, ông Lê Văn M7, ông Đặng Thanh H18, bà Phạm Thị Thanh H11, bà Ngô Thị H9 cùng kháng cáo bản án số 03/2020/HC-

ST. Ngày 05, ngày 06 tháng 10 năm 2020, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo.

Ngày 27, ngày 28 tháng 6 năm 2022, tất cả đương sự rút đơn kháng cáo.

Ngày 15/7/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 381/2022/QĐ-ST, bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức có hiệu lực pháp luật.

Khoảng 06 tháng sau khi xử phạt hành chính hành vi của ông T theo quyết định số 457/QĐ-XPVPHC ngày 26/6/2019 chưa thực hiện cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành các Quyết định số 783/QĐ-KPHQ, Quyết định số 784/QĐ-XPVPHC, Quyết định số 785/QĐ-XPVPHC, Quyết định số 786/QĐ-XPVPHC cùng ngày 27 tháng 02 năm 2020 xử phạt hành chính ông Lê Tấn T về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng cũng trên các thửa đất số 404, 405, 406, tờ bản đồ số 01 (tài liệu bản đồ năm 1991), đường số D, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh căn trên cứ hiện trạng là các công trình tường gạch mái tôn trên đất, cụ thể việc xử phạt như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành Quyết định số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020:

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường H kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính số 20/BB-VPHC, số 29/BB-VPHC và số 30/BB-VPHC về hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Lê Tấn T, do đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Thời điểm vi phạm 02 công trình nêu trên của ông Lê Tấn T vào tháng 11 năm 2017 và ngày 03 tháng 01 năm 2018, đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt tiền. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) không áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 783/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1271/QĐ-ĐCKPHQ đình chỉ Quyết định số 783/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 02 năm 2020.

Do ông Lê Tấn T không chấp hành nội dung Quyết định số 783/QĐ-KPHQ, ngày 03 tháng 4 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1729/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Tấn T.

Ngoài ra, ngày 08/5/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định cưỡng chế số 2387/QĐ-UBND để cưỡng chế Quyết định số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành Quyết định số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27 tháng 02 năm 2020:

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường H kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 21/BB-VPHC, số 22/BB-VPHC, số 23/BB-VPHC, số 24/BB-VPHC, số 25/BB-VPHC, số 26/BB-VPHC, số 27/BB-VPHC, số 28/BB-VPHC, số 46/BB-VPHC tại vị trí thửa đất số 404 tờ bản đồ số 01 (tài liệu đo năm 1991) đối với chủ đầu tư công trình vi phạm là ông Lê Tấn T vì đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 784/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1268/QĐ-ĐCXPVPHC đính chính Quyết định số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27 tháng 02 năm 2020.

Tuy nhiên, ông Lê Tấn T không chấp hành nội dung Quyết định số 784/QĐ-XPVPHC. Do đó, ngày 03 tháng 4 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1730/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 11/5/2020, Chủ tịch UBND quận T ban hành Thông báo số 256/TB-UBND về việc thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành Quyết định số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27 tháng 02 năm 2020:

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường H kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 47/BB-VPHC, số 48/BB-VPHC, số 49/BB-VPHC, số 50/BB-VPHC, số 51/BB-VPHC, số 52/BB-VPHC, số 53/BB-VPHC, số 54/BB-VPHC, số 55/BB-VPHC, số 56/BB-VPHC, số 57/BB-VPHC, số 58/BB-VPHC, số 59/BB-VPHC, số 60/BB-VPHC, số 61/BB-VPHC tại vị trí một phần thửa đất số 404, một phần thửa đất số 406 và rạch tờ bản đồ số 01 (tài liệu đo năm 1991) đối với chủ đầu tư công trình vi phạm là ông Lê Tấn T vì đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể:

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 785/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1269/QĐ-ĐCXPVPHC đính chính Quyết định số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27 tháng 02 năm 2020.

Tuy nhiên, ông Lê Tấn T không chấp hành nội dung Quyết định số 785/QĐ-XPVPHC. Do đó, ngày 03 tháng 4 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1731/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 11/5/2020, Chủ tịch UBND quận T ban hành Thông báo số 257/TB-UBND về việc thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành Quyết định số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27 tháng 02 năm 2020:

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường H kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 09/BB-VPHC, số 10/BB-VPHC, số 11/BB-VPHC, số 12/BB-VPHC, số 13/BB-VPHC, số 14/BB-VPHC, số 15/BB-VPHC, số 16/BB-VPHC, số 17/BB-VPHC, số 18/BB-VPHC, số 19/BB-VPHC tại vị trí một phần thửa đất số 404, 405 tờ bản đồ số 01 (tài liệu đo năm 1991) đối với chủ đầu tư công trình vi phạm là ông Lê Tấn T vì đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 786/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1270/QĐ-ĐCXPVPHC đình chỉ Quyết định số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27 tháng 02 năm 2020.

Sau đó, ông Lê Tấn T không chấp hành nội dung tại Quyết định số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2022. Do đó, ngày 03 tháng 4 năm 2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1732/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Tấn T.

Ngày 11/5/2020, Chủ tịch UBND quận T ban hành Thông báo số 258/TB-UBND về việc thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Việc cưỡng chế theo các quyết định xử phạt hành chính năm 2019 và năm 2020: Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1729/QĐ-CCXP, số 1730/QĐ-CCXP số 1731/QĐ-CCXP số 1732/QĐ-CCXP cùng ngày 03/4/2020, Quyết định cưỡng chế số 2387/QĐ-UBND ngày 08/5/2020, Quyết định cưỡng chế số 571/QĐ-CCXP ngày 02/8/2019 đã thực hiện cùng một lúc vào ngày 19/12/2020. Việc cưỡng chế đã hoàn tất.

Nay ông Lê Tấn T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy:

- Quyết định khắc phục hậu quả số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020.
 - Quyết định xử phạt hành chính số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
 - Quyết định xử phạt hành chính số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
 - Quyết định xử phạt hành chính số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- của Chủ tịch UBND quận T, nay là Thành phố T.

Ngày 18/5/2020, ông T khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy:

-Quyết định cưỡng chế số 2387/QĐ-UBND ngày 08/5/2020.

-Thông báo về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm số 256/TB-UBND ngày 11/5/2020.

-Thông báo về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm số 257/TB-UBND ngày 11/5/2020.

-Thông báo về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm số 258/TB-UBND ngày 11/5/2020.

của Chủ tịch UBND quận T, nay là Thành phố T.

Tại phiên tòa, ông Lê Tấn T (có người đại diện) rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T trình bày:

Căn cứ Điều 28, Điều 57, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Việc Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020, Quyết định số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020, Quyết định số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính, là đúng quy định pháp luật.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T giữ nguyên quan điểm xử lý tại các quyết định nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2099/2022/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 3, 6, 30, 32, 116, 157, 158, 173, 193, 205, 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Căn cứ Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T đối với các quyết định hành chính như sau:

- Quyết định cưỡng chế số 2387/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020.
- Thông báo số 256/TB-UBND ngày 11/5/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.
- Thông báo số 257/TB-UBND ngày 11/5/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.
- Thông báo số 258/TB-UBND ngày 11/5/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Tất cả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, nay là Thành phố T ban hành.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T:

Hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định khắc phục hậu quả số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020.
- Quyết định xử phạt hành chính số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- Quyết định xử phạt hành chính số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- Quyết định xử phạt hành chính số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1271/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1268 /QĐ-ĐCXPVPHC ngày 12/3/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1269/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 12/3/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1270/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 12/3/2020.

Tất cả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, nay là Thành phố T ban hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 30/12/2022, người bị kiện kháng yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận theo đơn khởi kiện với lý do:

Án sơ thẩm đã tuyên xử không có căn cứ khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T với lý do không có căn cứ để xử phạt ông T tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng vì chưa thỏa mãn cụm từ “*mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng*”. Lập luận về vấn đề này là không đúng với các quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 5 Điều 15 Nghị định 137/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực xây dựng; điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 về xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với nội dung cho rằng cùng một hành vi xây dựng các công trình trên đất nhưng ông T bị xử phạt 02 lần thì án sơ thẩm đã không phân biệt 02 trường hợp xử phạt ở 02 lĩnh vực khác nhau và hành vi khác nhau: **vi phạm trong lĩnh vực đất đai** của ông T bị Chủ tịch UBND phường H xử phạt bằng Quyết định số 457/QĐ-XPVPHC ngày 26/6/2019 do đã làm thay đổi công năng, xây dựng công trình giao thông, hệ thống thoát nước, cống ngầm trên đất (**không bao gồm hành vi xây dựng nhà ở**) tại một phần thửa đất số 404, 405, 406 tờ bản đồ số 1 Phường H, thành phố T, các biên bản, hồ sơ xử lý vi phạm đất đai của ông T không thể hiện nhà ở xây dựng trên đất. Do không tự nguyện khắc phục nên ông T bị Ủy ban nhân dân phường H tổ chức cưỡng chế vào ngày 18/02/2020. **Đối với vi phạm trong lĩnh vực xây dựng** của ông T đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành 01 Quyết định khắc phục hậu quả số 783/QĐ-KPHQ và 03 Quyết định

xử phạt vi phạm hành chính số 784, 785, 786/QĐ-XPHC vào ngày 27/02/2020 do ông T đã có hành vi xây dựng trên đất 37 căn nhà và 01 công rào, trong đó có 15 căn nhà xây dựng trên phần đất lấn rạch, nằm ngoài ranh Giấy chứng nhận và 09 công trình xây dựng sau thời điểm xử lý vi phạm hành chính về đất đai (tháng 7, 8, 9, 10/2019), các quyết định đã ban hành điều chỉnh hành vi vi phạm này là phù hợp với hiện trạng vi phạm vì khác nhau về vị trí, về thời gian xây dựng và thời gian lập hồ sơ ghi nhận vi phạm của ông T. Như vậy, không có việc người bị kiện vi phạm nguyên tắc một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Đối với việc buộc ông T thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là khôi phục hiện trạng ban đầu hoặc tháo dỡ công trình vi phạm theo Quyết định 457/QĐ-XPVPHC và các Quyết định 783/QĐ-KPHQ; Quyết định 784, 785, 786/QĐ-XPVPHC thì về bản chất cả hai biện pháp này là tương tự nhau, đều dẫn đến việc buộc phải phá dỡ công trình xây dựng vi phạm. Việc cưỡng chế thi hành Quyết định là tuân tự cho mỗi vi phạm, không trùng lặp như án sơ thẩm nhận định.

Về việc ban hành nhiều quyết định xử phạt vi phạm hành chính: do hành vi xây dựng 37 căn nhà của ông T được thực hiện theo từng khối, cụm công trình, ở nhiều thời điểm khác nhau và có sự cản trở lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ công vụ nên đây là những vi phạm mà ông T đã bị lập biên bản xử lý mà vẫn tiếp tục xây dựng tiếp, được xem là có hành vi vi phạm mới nên phải được xử lý riêng rẽ.

Đối với ý kiến cho rằng ông T không phải là người xây dựng mà người xây dựng là những cá nhân đã nhận chuyển nhượng nhà, đất từ bà Trần Thị B4 (mẹ ruột của ông T) từ những năm 2003 – 2006 trước khi ông T được tặng cho quyền sử dụng đất nên chủ thể bị xử phạt không đúng vì họ đã được Công ty Đ2 ký hợp đồng cung cấp điện để sử dụng trong sinh hoạt: qua kiểm tra thực tiễn những người này đã làm hợp đồng chuyển nhượng ghi không đúng thời gian, không đúng quy định về hình thức hợp đồng người chính thức đứng tên trên Giấy chứng nhận vẫn là ông T, không có cá nhân nào chứng minh được công trình có liên quan đến vi phạm là do họ xây dựng nên ông T vẫn là người phải chịu trách nhiệm với vi phạm đã bị phát hiện.

Người kháng cáo còn cung cấp các tài liệu bổ sung hình ảnh vệ tinh khu đất thể hiện trạng thái khu đất qua các thời kỳ, bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố lập năm 2017 thể hiện hiện trạng khu đất; bản đồ hiện trạng vị trí lập năm 2020 để lập hồ sơ xử phạt trong lĩnh vực xây dựng.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung thêm: từ năm 2015 sau khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất, ông T có hành vi lấn rạch và xây dựng công trình trên phần đất đã lấn, phần đất này nằm ngoài diện tích được cấp giấy.

Người khởi kiện cùng người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ kiện: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở đánh giá chứng cứ

đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đã xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới chứng minh tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện nên có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Ông Lê Tấn T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau đây:

1. Quyết định khắc phục hậu quả số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020.
2. Quyết định xử phạt hành chính số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
3. Quyết định xử phạt hành chính số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
4. Quyết định xử phạt hành chính số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
5. Quyết định đình chỉ số 1271/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
6. Quyết định đình chỉ số 1268/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
7. Quyết định đình chỉ số 1269/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
8. Quyết định đình chỉ số 1270/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.

Tất cả Quyết định trên đều do Chủ tịch UBND quận T, nay là thành phố T ban hành. Lý do người khởi kiện đưa ra là ông không phải người xây dựng các công trình vi phạm mà do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã mua nhà, đất từ bà Trần Thị B4, mẹ của ông từ những năm 2004, 2005 nên các quyết định đã áp dụng sai đối tượng. Quá trình lập Biên bản vi phạm còn nhiều vi phạm do ông không có mặt tại hiện trường, một hành vi bị xử phạt 02 lần.

Về phía người bị kiện cho rằng quá trình sử dụng đất, ông T có nhiều hành vi vi phạm, đồng thời thực hiện xây dựng công trình trên đất trái quy định của pháp luật nên cần bị xử phạt về 02 hành vi riêng biệt. Các văn bản hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định về mặt thủ tục và có căn cứ về mặt nội dung. Việc chuyển nhượng bằng giấy tay cho các cá nhân, hộ gia đình mà phía người

khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày là có dấu hiệu làm giả các hợp đồng chuyển nhượng, và cũng không đúng quy định của pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, Bản án sơ thẩm cùng yêu cầu kháng cáo, nhận thấy người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có giao nộp các tài liệu thể hiện về pháp lý sử dụng đất như sau:

Nguồn gốc đất được đề cập trong vụ kiện thuộc hộ bà Trần Thị B4 (mẹ ruột ông T) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/6/1999 là loại đất LUA, đến ngày 20/11/2008 được cập nhật biến động thành đất trồng cây lâu năm đối với diện tích 14.472m² thuộc các thửa 354, 87, 352, 400, 405, 330 tờ bản đồ số 1 phường H, quận T. Đến ngày 24/12/2012 đã cập nhật biến động tặng cho ông Lê Tấn T toàn bộ diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, tất cả các giấy tờ đã xuất trình về việc mua bán, chuyển nhượng, tặng cho... giữa bà B4 và các cá nhân khác đều không được công chứng, việc thực hiện chuyển nhượng, tặng cho không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Từ thời điểm tiếp nhận đất được bà B4 tặng cho, ông T đã có nhiều hành vi sử dụng đất không đúng mục đích nên bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần. Cụ thể là bị Chủ tịch UBND phường H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 457/QĐ-XPVPHC ngày 26/6/2019 về hành vi tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 02/8/2019, Chủ tịch UBND phường H ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 571/QĐ-CCXP để thi hành Quyết định xử phạt hành chính số 457/QĐ-XPVPHC. Ông T đã khởi kiện đối với 02 quyết định này nhưng bị bác đơn khởi kiện.

Đến ngày 18/02/2020, UBND phường H tổ chức thực hiện Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 517/QĐ-CCXP thì trên khu đất do ông T quản lý lại phát sinh nhiều công trình xây dựng vi phạm và một diện tích đất lấn rạch nên tổ công tác tiến hành đo vẽ toàn bộ khuôn viên đất và lập biên bản vi phạm đối với các công trình xây dựng phát sinh. Đối chiếu tài liệu không ảnh thì vào thời điểm lập biên bản làm căn cứ ban hành các quyết định xử phạt vi phạm trong lĩnh vực đất đai vào tháng 3/2019 thì khu đất chỉ có khối nhà bên trái, chưa có khối nhà ở giữa, đến thời điểm tháng 11/2019 đã xuất hiện các công trình mới trên đất. Đây là vi phạm mới sau khi đã có hành vi vi phạm bị ra quyết định xử phạt. Do thời điểm xảy ra vi phạm đối với 02 công trình xây dựng của ông T xảy ra vào tháng 11/2017 và tháng 01/2018, đến khi phát hiện vi phạm đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong xây dựng theo điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ nên chỉ có thể ban hành quyết định áp dụng biện pháp buộc khắc phục hậu quả. Đây không

phải là một hành vi bị xử lý 02 lần mà là vi phạm ở 02 lĩnh vực khác nhau với các hành vi khác nhau.

Đối với các Quyết định Xử phạt hành chính số 784, 785, 786 ngày 27/02/2020: căn cứ vào các Biên bản vi phạm đã được lập thể hiện thời điểm xảy ra vi phạm khác nhau, diện tích, quy mô, kết cấu và vị trí xây dựng các công trình đều khác nhau nên UBND quận T đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cụ thể đối với từng vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định 21/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013.

Căn cứ các Biên bản vi phạm đã được lập làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành các quyết định hành chính bị kiện thể hiện: trên phần đất ông T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều công trình xây dựng trên nhiều vị trí khác nhau của toàn bộ thửa đất, thời gian bị lập biên bản vi phạm nhiều lần ở nhiều thời điểm khác nhau. Cho thấy hành vi cố ý vi phạm này liên quan đến 02 khách thể là các quy định của Luật Đất đai về quyền và nghĩa vụ sử dụng đất của người được giao quyền sử dụng đất và quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng. Trong trường hợp này, thửa đất ông T đứng tên trên Giấy chứng nhận có mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm nhưng đã không được sử dụng đúng mục đích, ông T tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất bằng việc san lấp mặt bằng và phân khu, làm đường để xây dựng nhà ở nên đã vi phạm quy định về sử dụng đất, do thời điểm phát hiện vi phạm và lập biên bản hành vi vi phạm đã quá thời hiệu để xử phạt nên bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp quy định pháp luật. Hành vi xây dựng công trình không phép được thực hiện vào nhiều thời điểm khác nhau trong năm 2019, 2020 bị xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ theo các quy định của pháp luật xây dựng là hợp lý.

Như vậy, về tính chất vi phạm và thời điểm vi phạm, cũng như pháp luật được áp dụng trong việc xử lý vi phạm thuộc 02 lĩnh vực khác nhau nên không có căn cứ để kết luận đây là trường hợp xử lý bị trùng lặp.

Ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp chứng cứ cho rằng chủ đất gốc là bà B4 đã chuyển nhượng nhiều nhà, đất cho nhiều cá nhân khác thông qua các hợp đồng bằng giấy tay từ những năm 2004, 2005 và họ là những người đã coi nói, xây dựng lại nhà trên đất chứ không phải ông T nên việc xử phạt ông T là không đúng đối tượng vì ông không phải là chủ các công trình xây dựng này; quá trình lập biên bản vi phạm ông T không có mặt tại hiện trường cũng như địa điểm lập biên bản vi phạm. Bên cạnh đó án sơ thẩm còn cho rằng chỉ có 01 hành vi xây dựng không phép trên đất mà Ủy ban nhân dân quận T ban hành 02 Quyết định xử lý vi phạm và ban hành nhiều quyết định xử lý với diện tích khác nhau trên cùng thửa đất là không có căn cứ. Hơn nữa, toàn bộ công trình được xây dựng trên đất lán rạch, ngoài diện tích bà B4 được cấp GCNQSD đất và sau thời điểm ông T được bà B4 tặng cho toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận thể hiện.

Hiện tại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự trình bày đã mua lại nhà, đất của bà B4 và sinh sống trên đất sau khi tiến hành cưỡng chế, UBND thành phố T đã bố trí nơi ở tạm và hỗ trợ tạm thời chi phí thuê chỗ ở cho họ. Với

việc chuyển nhượng tự phát đã thực hiện với bà B4, ông T – nếu có, các đương sự này có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự để được giải quyết quyền lợi theo quy định.

Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các văn bản bị kiện đã được người bị kiện tiến hành đúng quy định.

Về nội dung các văn bản hành chính bị kiện đã căn cứ vào thực tế hành vi và hiện trạng nơi có đất, có công trình xây dựng để xử phạt và buộc khắc phục hậu quả theo đúng các Biên bản vi phạm đã ghi nhận. Việc áp dụng pháp luật để ban hành các quyết định hành chính là đúng quy định, không có tình trạng một hành vi lại bị xử phạt 02 lần như án sơ thẩm nhận định.

Do ông T là người trực tiếp đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những người có liên quan tự nhận họ là người xây dựng công trình bị xử phạt nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho trình bày này, nên việc xử phạt ông T là đúng chủ thể, không sai đối tượng như các đương sự trình bày.

Đối với các cá nhân có liên quan cho rằng đã thỏa thuận chuyển nhượng từ trước với bà B4 nhưng hiện trạng đất và công trình có liên quan trong quyết định hành chính bị kiện có thể hiện là đất lấn rạch: trước khi ông T được tặng cho không tồn tại phần hiện trạng này nên các Hợp đồng đã được lập cũng không đúng quy định pháp luật vì sai về mặt thời gian, sai về đối tượng giao dịch.

Án sơ thẩm đã không nhận diện rõ các tình tiết này nên đã nhận định và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập.

Việc ông T rút một phần nội dung khởi kiện và Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T được làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận là kháng cáo hợp lệ để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện còn lại, như phân tích trên, việc tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị kiện là không đúng quy định, không có căn cứ. Người kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện với những lý do trình bày trên là có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T.

Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Sửa bản án sơ thẩm số 2099/2022/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ:

- Các điều 3, 6, 30, 32, 116, 173, điểm a khoản 2 Điều 193, các điều 205, 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;
- Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013;
- Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;
- Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ X2 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017;
- Các điều 166, 171, 206 Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T đối với các quyết định hành chính như sau:

- Quyết định cưỡng chế số 2387/QĐ-UBND ngày 08/5/2020.
- Thông báo số 256/TB-UBND ngày 11/5/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.
- Thông báo số 257/TB-UBND ngày 11/5/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.
- Thông báo số 258/TB-UBND ngày 11/5/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Tất cả do Chủ tịch UBND quận T, nay là thành phố T ban hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn T về việc hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định khắc phục hậu quả số 783/QĐ-KPHQ ngày 27/02/2020.
- Quyết định xử phạt hành chính số 784/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- Quyết định xử phạt hành chính số 785/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- Quyết định xử phạt hành chính số 786/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1271/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1268/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1269/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.
- Quyết định đình chỉ số 1270/QĐ-ĐCKPHQ ngày 12/3/2020.

Tất cả do Chủ tịch UBND quận T, nay là thành phố T ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (159);
- Lưu VP(3), HS(2).170b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ